

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 122****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi hai, dòng thứ ba.

“*Hựu Đà-la-ni, Phạn ngữ, thử phiên vi Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá*” (Lại nữa, Đà-la-ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn dịch là Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá), có nhiều ý nghĩa như vậy. Từ chỗ này trở đi là giải thích câu kinh văn thứ hai, tức câu “*cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn*” (và đắc hết thầy các môn đà-la-ni), giải thích câu kinh văn này. Câu trước là “*đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa*”, chúng ta đã học xong. Tam Ma Địa hết sức trọng yếu, chúng ta thường gọi nó là Tam-muội, cũng gọi là Định. Khiến cho tâm trụ một chỗ thì gọi là Tam-muội. Không chỉ đắc Tam Ma Địa, mà các Ngài đồng thời còn đắc đà-la-ni. Những danh từ này đều là tiếng Phạn, “*đắc nhất thiết đà-la-ni môn*”. Trì là bảo trì (gìn giữ). Đối với chữ Tổng Trì, thông thường để giải thích chữ đà-la-ni, quá nửa chúng ta dùng cách nói theo ý nghĩa Tổng Trì này. Tổng Trì (總持) có nghĩa là gì? Bao gồm hết thầy pháp, nắm giữ hết thầy nghĩa. Ý nghĩa này hết sức hay, mà cũng là nói: Đã nắm vững tông cương lãnh, tông nguyên tắc của hết thầy các pháp thì gọi là “*đắc đà-la-ni*”. Chữ Đà-la-ni trong tiếng Phạn có ý nghĩa là “*năng trì*” (có thể gìn giữ). “*Năng giá*” (có thể ngăn che), tức là ngưng dứt, nay chúng ta nói là “*khống chế*”, có ý nghĩa ấy.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] dẫn kinh luận, đó là những lời giải thích của Phật và các vị tổ sư đại đức. “*Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni giả, Tần ngôn Năng Trì, hoặc Năng Giá*” (Trí Độ Luận giảng: “Đà-la-ni, tiếng Hán là Năng Trì hoặc Năng Giá”). Trí Độ Luận được dịch vào thời Diêu Tần, nên nói là “*Tần ngôn*”, “*Tần ngôn*” nghĩa là tiếng Hán. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, [Đà-la-ni] là Năng Trì, hoặc Năng Giá. Năng Trì là gì? Tiếp đó có giải thích: “*Năng trì giả, tập chủng chủng thiện pháp, năng trì linh bất tán, bất thất. Thí như hoàn khí thịnh thủy, thủy bất lậu tán*” (Năng Trì là nhóm họp các pháp lành, có thể giữ cho chúng chẳng tản mát, chẳng mất mát. Ví như đồ đựng hoàn thiện có thể chứa nước, nước chẳng bị rỉ mát). Tiếp đó là tỷ dụ, “*khí*” (器) là dụng cụ, giống như chén trà [chẳng hạn]. Chén trà hoàn hảo, chẳng bị hư vỡ, có thể đựng nước, nước chẳng bị chảy mát. Đà-la-ni cũng có ý nghĩa ấy, nó có thể gom góp, nắm giữ các thứ thiện pháp. Những thiện pháp ấy sau khi đạt được sẽ chẳng bị mất đi. Những thứ nào? Trong Phật pháp, chẳng hạn như

Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sau khi đạt được Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng mất đi, quý vị có thể trong một thời gian dài thậm chí đời đời kiếp kiếp đều có thể gìn giữ. Vì vậy, Đà-la-ni có ý nghĩa Trì.

Tiếp đó, nói: “*Năng Giá giả*”, Giá (遮) là gì? Giá là đối với pháp bất thiện. “*Ác bất thiện căn tâm sanh, năng giá linh bất sanh*” (đối với những tâm ác, bất thiện căn sanh khởi, có thể ngăn che, khiến cho chúng chẳng sanh). Vì quý vị có thiện pháp, pháp bất thiện sẽ chẳng thể sanh. Thí dụ như trong Thập Thiện, quý vị biết chẳng sát sanh là tốt đẹp, [vì] chẳng kết oán cừu với hết thảy chúng sanh. Không ăn trộm là tốt. Chẳng sát sanh là không nợ mạng kẻ khác, chẳng trộm cắp là không nợ tài vật của người ta. Những điều ấy tốt lắm, cho nên chúng có thể ngăn che hết thảy các điều bất thiện. Thật sự có thể nắm giữ Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng có ý niệm hại người, mà cũng chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác. Vì ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác, tuy không trộm cắp, nhưng kẻ ấy có tâm trộm cắp, ý niệm ấy chẳng tốt, vẫn muốn chiếm một chút tiện nghi, đó là tâm trộm cắp chưa dứt! Hễ có ý niệm ấy, rất có thể sẽ có hành vi bất thiện. Chúng ta phải hiểu: Đối với người trong thế gian này, cổ nhân có nói: “*Suốt đời đều là mạng, chẳng nửa điểm do người*”. Mạng do đâu mà có? Chẳng phải do ông trời ban cho quý vị! Có rất nhiều người hiểu lầm vận mạng do Thượng Đế ban cho chúng ta. Vì sao có người thăng quan phát tài, có người bần cùng hạ tiện? Chẳng phải là ông trời rất thiếu công bằng ư? Há có loại ông trời như vậy! Vì thế, phải hiểu: Chẳng dính líu gì đến trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, vận mạng của mỗi cá nhân chúng ta do chính mình chịu trách nhiệm. Có vận mạng hay không? Có! Vận mạng do đâu mà có? [Chúng tử] của những điều thiện và bất thiện do quý vị đã tạo trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chúng ở trong A Lại Da Thức, được gọi là vận mạng của quý vị. Trong quá khứ, quý vị làm việc thiện, đời này phú quý, hưởng thụ, hưởng lạc. Trong đời quá khứ tạo nghiệp bất thiện, quý vị sẽ sống cuộc đời nghèo khổ. Đạo lý là như thế đó. Do vậy, sau khi đã hiểu, chúng ta chẳng oán trời, hờn người; sau khi đã hiểu rõ, bèn an phận giữ mình, xã hội liền hòa hài, an định. Chúng ta muốn phú quý, muốn phát tài, có được hay không? Được chứ! “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, quý vị cầu trong cửa nhà Phật, đức Phật giúp đỡ quý vị như thế nào? Đức Phật giảng đạo lý và phương pháp phát tài cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, nương theo đạo lý và phương pháp ấy để tu học, sẽ có tiền của đưa đến, chẳng giả tí nào. Cổ thánh tiên hiền bảo là “*sanh tài hữu đại đạo*” (có đạo lý to lớn để sanh sôi tiền của).

Thuở chúng tôi còn trẻ, thầy rất cao minh, thầy xem tướng của tôi, nghe giọng tôi nói, nhìn tư thái hành động của tôi, liền biết sự phú quý, cùng quẫn hay hanh thông suốt một đời, thầy nhìn ra được! Thấy đứa học trò này mạng vận chẳng ra gì, suốt đời vất vả, nghèo hèn, có lúc thầy còn giúp đỡ trò, vì sao? Nó còn có thiện căn, nói cách khác, còn có cách cứu vớt, giúp đỡ nó! Thầy dạy chúng tôi đọc Liễu Phàm Tứ Huán, bộ sách ấy hay

lắm, đọc xong mới hiểu điều gì? Nguyên lai mạng do chính mình tạo, chính mình có thể sửa đổi số mạng. Sửa như thế nào? Đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, có thể sửa đổi vận mạng. Tiên sinh Liễu Phàm được Không tiên sinh đoán mạng. Không tiên sinh là đạo gia, là thầy tướng số, là cao thủ xem tướng và xem Phong Thủy, thật sự là cao thủ. Không tiên sinh tính lưu niên bát tự¹ cho ông Viên, tiên đoán vận mạng cả một đời. Tiên sinh Liễu Phàm mỗi năm so sánh [vận mạng trong năm ấy] với lời đoán Bát Tự, chẳng sai lệch tí nào. Ông Viên là một người đọc sách, hàng năm đi thi, đậu hạng thứ mấy, mạng đã được tính sẵn. Thời quá khứ, sau khi đỗ Tú Tài, quốc gia liền ban cho quý vị một phần tiền lương, nhằm khuyến khích quý vị học hành. Quý vị chẳng cần phải đi làm, quốc gia nuôi quý vị, hàng năm cấp cho bao nhiêu thạch gạo, quý vị đủ sống, mà cũng có thể nuôi người nhà. Tuy chẳng rất giàu có, nhưng có thể sống được. Quốc gia bồi dưỡng nhân tài, thi đậu Tú Tài được hưởng bổng lộc của quốc gia. Mỗi năm ông Viên được quốc gia cấp gạo, [ông Không] đều tính sẵn là bao nhiêu thạch, bao nhiêu đấu, chẳng sai tí nào! Suốt hai mươi năm như vậy, chẳng năm nào sai! Ông Viên bèn nguội lạnh cõi lòng, chẳng còn dấy vọng tưởng nữa. Vì sao? Vọng tưởng vô dụng, đúng là trong mạng đã định sẵn rồi!

Có một lần, ông ta đến thăm một người xuất gia là thiền sư Vân Cốc, vị này cũng là một cao tăng, Sư học Thiền. Tiên sinh Liễu Phàm cùng ngồi với Sư trong Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng dấy lên một vọng niệm. Thiền sư Vân Cốc thấy người này đúng là rất khó có, kẻ bình phàm chẳng có khả năng ấy, vì sao mà suốt ba ngày ba đêm chẳng dấy một vọng niệm? Do vậy, Sư liền hỏi ông ta: “Ông công phu khá lắm, ba ngày ba đêm chẳng khởi một vọng niệm, chuyện này kẻ bình phàm chẳng thể làm được!” Hỏi ông ta tu như thế nào? Tiên sinh Liễu Phàm rất thật thà, thưa cùng Sư: “Mạng của con đã được người ta tính sẵn rồi. Suốt hai mươi năm, nghiêm nhiên chẳng sai chạy tí nào, nên con ý niệm gì cũng chẳng có”. Sau khi ông Phàm thưa lời ấy, thiền sư Vân Cốc bèn ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, nguyên lai ông vẫn là phàm phu”. Ông Viên hỏi: “Vì sao thầy bảo con là phàm phu?” Sư bèn giải thích: “Phàm phu lẽ đâu chẳng có vọng niệm?” Sư giảng đạo lý vận mạng: “Mạng do chính ông tạo, đương nhiên bản thân ông có thể sửa. Vận mạng trong hai mươi năm của ông đã được người ta đoán sẵn, chẳng đoán trật tí nào, ông chẳng phải là phàm phu thì ai là phàm phu?” Ngay đó, Sư nhắc nhở ông Viên: “Vận mạng có thể sửa”. Cách sửa như thế nào? Dạy ông ta đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, dạy cho ông Viên [thực hành] Công Quá Cách. Nội dung của Công Quá Cách là gì? Là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Chiếu theo những điều đã nói trong Thái Thượng Cảm Ứng

¹ “*Lưu niên*” là một danh từ trong bói toán, chỉ vận mạng trong từng năm. “*Lưu niên bát tự*” là cách đoán vận mạng trong từng năm (thường là dùng Tứ Vi hay Tứ Bình) dựa theo tám chữ, tức can và chi của năm, tháng, ngày, giờ sanh.

Thiên, thiện nhân thiện quả nhất định phải hành; ác nhân ác báo quyết định phải tránh, dùng điều này làm tiêu chuẩn để đoạn ác tu thiện.

Ông Viên thật sự phát tâm. Vừa phát tâm bèn sửa lỗi, thật sự hành, phát tâm làm ba ngàn việc thiện. Tâm vừa phát, đến năm thứ hai, đi thi thứ tự đỗ đạt đã khác. Trong mạng, nhất định là đậu hạng ba, nhưng ông ta đỗ đầu, nên tin tưởng, nghe theo giáo huấn của thiền sư Vân Cốc. Do trong mạng chẳng có công danh, ông ta đạt được công danh, nay chúng ta gọi công danh là “học vị”. Học vị Thạc Sĩ, học vị Tiến Sĩ, ông ta không có, trong mạng chỉ có Tú Tài, kết quả là về sau ông ta đỗ Cử Nhân, đậu Tiến Sĩ, nhưng trong mạng không có. Trong mạng chẳng có con cái, ông ta phát thiện nguyện để cầu con, quả nhiên sanh được một con, trong mạng chẳng có! Không có mà đạt được, đó là thật sự cầu được, có cầu ắt ứng. Thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, ông ta cũng chẳng cầu trường thọ, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi mới qua đời, tăng thọ hai mươi một năm. Người Hoa nói là “*thất*”, [tăng thọ] ba thất thì ba thất là hai mươi một năm. Chẳng giả tí nào! Vì vậy, quý vị phải hiểu đạo lý, cầu giàu có được giàu có, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ, há có chuyện cầu chẳng được! Cầu không được là vì quý vị không hiểu đạo lý, không hiểu phương pháp, đó là chánh pháp. Vì thế, trong Phật pháp có rất nhiều thứ, nếu quý vị khéo học, thọ dụng cả đời chẳng hết. “*Giá*” là có thể ngăn che khiến cho các căn ác, bất thiện chẳng nảy sanh. “*Nhược dục tác ác tội, trì linh bất tác, thị danh Đà-la-ni*” (nếu muốn làm tội ác bèn giữ cho chẳng làm được, nên gọi là Đà-la-ni). Đó là Năng Giá. Chẳng để cho quý vị nảy sanh ý niệm bất thiện, chẳng để cho quý vị phạm tội ác, những điều ấy đều thuộc về pháp môn Tổng Trì.

Tiếp đó lại nói: “*Hựu vân*” (lại nói), [nghĩa là] vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận: “*Bồ Tát đắc thị nhất thiết tam thế vô ngại minh đẳng chư tam-muội, u nhất nhất tam-muội trung, đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni, như thị đẳng hòa hợp, danh vi ngũ bách đà-la-ni môn. Thị vi Bồ Tát thiện pháp công đức tạng*” (Bồ Tát đắc hết thấy các tam-muội: Tam thế vô ngại minh v.v... ấy thì với mỗi một tam-muội sẽ đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni. Các thứ ấy hòa hợp, [thành ra] danh xưng năm trăm đà-la-ni môn. Đây là thiện pháp công đức tạng của Bồ Tát). Trước hết, chúng tôi giải thích đại lược đoạn văn này một chút. Trong câu “*Bồ Tát đắc*”, chữ Thị là “*như thị*” (như thế), “*nhất thiết vô ngại minh đẳng chư tam-muội*”, chẳng phải là phạm nhân, chúng ta xem câu này liền biết các Ngài là Pháp Thân Bồ Tát. Bồ Tát trong mười pháp giới, thậm chí Phật [trong mười pháp giới] đều chưa đạt đến cảnh giới này. Trong giáo pháp Đại Thừa, cảnh giới này thường nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” thì mới có thể đắc tam-muội như vậy. Nó khởi tác dụng, “*u nhất nhất tam-muội trung*” (trong mỗi tam-muội), đây là từ Định khai Huệ, tam-muội là Định, Định khởi tác dụng khai trí huệ. Trong trí huệ là pháp môn Tổng Trì, là Đà-la-ni, vì Huệ chẳng bị mất đi, “*đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni*”. Vô lượng tam-muội khởi tác

dụng là vô lượng đà-la-ni. A-tăng-kỳ (Asaṅkha) cũng có nghĩa là “vô lượng”. “*Như thị đặng hòa hợp*” (hòa hợp như thế), sự “*hòa hợp*” ấy chính là Định và Huệ, được gọi là “*Định Huệ đặng trì*” (giữ cho Định và Huệ bình đẳng), Định có thể trì Huệ, Huệ cũng có thể giúp Định, khiến cho Định chẳng bị mất đi. Pháp Thân Bồ Tát đạt được tam-muội sẽ vĩnh viễn chẳng bị mất đi. Trong đoạn trước, chúng ta đã thấy nói là “*bất sanh, bất diệt Tam Ma Địa*”.

Định trong mười pháp giới đều có xuất, nhập. Từ kinh Địa Tạng, chúng ta thấy bậc A La Hán, A La Hán là pháp giới Thanh Văn trong mười pháp giới. Mẹ của cô Bà La Môn qua đời, ở đây đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn: Cô Bà La Môn tin theo Bà La Môn giáo, là một người có niềm tin tôn giáo, nhưng cô cũng học Phật. Học Phật có mâu thuẫn với tôn giáo của cô ta hay không? Chẳng mâu thuẫn. Vì sao? Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo là giáo dục, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, quý vị đến trường học để học hành đều chẳng có trở ngại gì! Quý vị thấy các sinh viên đại học hiện thời, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, cùng học một lớp. Phật giáo là sư đạo, chẳng phải là tôn giáo, nên cô Bà La Môn cũng là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật. Đức Phật trọn chẳng dạy cô ta phải từ bỏ tôn giáo của chính mình thì mới có thể học Phật, đức Phật chẳng có ý nghĩ này. Vì thế, trong Phật môn có nhiều người tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học Định Huệ. Cô ta gặp một vị A La Hán, thỉnh giáo A La Hán, mẹ cô ta lúc sống tạo rất nhiều nghiệp bất thiện, cô ta nghĩ: “Chỉ sợ sau khi [mẹ cô ta] đã chết, bị đọa trong ác đạo”, thỉnh A La Hán giúp đỡ, giúp cô tìm kiếm. A La Hán nhập Định, trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy mẹ cô ta ở chỗ nào. Sau khi Ngài xuất Định, cho biết: Mẹ cô ta sanh vào chỗ bất thiện. Ngài nhập Định bèn có thể thấy, chẳng nhập Định bèn không thấy. Sau khi nhập Định đã thấy, mới có thể kể chân tướng sự thật với cô Bà La Môn. Lại còn dạy cô ta giúp mẹ như thế nào, bà ta đang chịu khổ trong địa ngục, khuyên cô hãy niệm Phật. Thuở ấy, vị thành Phật trong thế gian là Giác Hoa Định Như Lai, vận dụng Niệm Phật tam-muội. Cô ta là hiếu nữ, vì muốn cứu mẹ, bèn toàn tâm toàn lực cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ. Quý vị thấy cô ta ở trong Định suốt một ngày một đêm, nhập Định, từ trong Định cũng thấy địa ngục. Định ấy là Niệm Phật tam-muội, giúp cô ta trông thấy cảnh giới địa ngục. Quý Vương đến đón tiếp, gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi cô có chuyện gì mà đến nơi đây? Cô bảo cô đi tìm mẹ. Mẹ cô tên là gì? Duyệt Đế Lợi. Quý Vương liền cho biết, ông ta nói bà Duyệt Đế Lợi nhờ hiếu nữ tu tập, tích lũy công đức, nên đã sanh lên trời Đao Lợi từ ba ngày trước, chẳng ở chỗ này.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, liền liễu giải, liền hiểu rõ, cô ta dùng pháp gì để siêu độ? Dùng công đức niệm Phật của chính mình, cô niệm Phật công phu đạt tới tam-muội. Nói theo pháp môn Niệm Phật, tam-muội ấy tối thiểu là Sự nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn rất khó, cô ta là Sự nhất tâm, nên có thể đến thăm viếng địa ngục. Vì sao

trong một ngày một đêm cô ta có thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì sao? Vì cứu mẹ. Nếu cô ta không liều mạng, không dụng công, mẹ cô chẳng thoát khỏi địa ngục. Cô ta niệm Phật đạt được nhất tâm bất loạn là do mẹ cô giúp đỡ. Nếu mẹ cô chẳng đọa địa ngục, cô ta sẽ không thể tu hành nghiêm túc như vậy. Vì thế, mẹ cô ta có công đức, có lợi ích. Luận định từng điểm cá biệt, quý vị mới hiểu rõ vì sao mẹ cô ta có thể sanh lên trời? Do mẹ cô ta tạo duyên, nên cô ta mới niệm Phật tới mức nhất tâm bất loạn, họ làm nhân duyên cho nhau, thành tựu của con gái giúp cho mẹ sanh lên trời, làm nhân duyên lẫn nhau, có đạo lý như thế trong đó, phải hiểu rõ ràng, chẳng mê tín tí nào! Trong câu chuyện của cô Quang Mục thì [Quang Mục] còn kém công phu của cô Bà La Môn ấy một bậc, vì Quang Mục là cảnh giới trong mộng, còn người ta (cô Bà La Môn) là trong Định, Định cao hơn cảnh giới trong mộng rất nhiều. Vì vậy, trong mộng, nhờ vào mộng [để thấy cảnh giới] thì như chúng ta thường nói “công phu thành phiền” đã có thể làm được, nhưng nếu tự mình đến thăm địa ngục, nếu chẳng phải là Sự nhất tâm, chắc chắn chẳng làm được. Sự nhất tâm là cảnh giới của A La Hán. Vì thế, chúng ta phải hiểu Lý, phải biết tu học như thế nào!

Hiện thời chúng ta cũng gặp phải khó khăn, khó khăn là tai nạn quá nhiều. Tôi không tiếp xúc các phương tiện thông tin, ngay cả báo chí cũng chẳng xem, đã đoạn tuyệt mấy chục năm. Quý vị hằng ngày xem TV, đọc báo, nên quý vị thông hiểu tin tức rõ hơn chúng tôi nhiều. Một số đồng học ở đây, nghe các tin tức từ các phương tiện truyền thông, đến nói với tôi: Chỗ nào đó lại có tai nạn, nơi đó lại có tai nạn! Tôi nghe xong, hiểu rõ, tôi biết tai nạn phát sanh ra sao, tôi cũng biết hóa giải tai nạn như thế nào, nhưng con người phải tin tưởng thì mới được. Quý vị thật sự tin tưởng Phật, thật sự có phương pháp giải quyết, nhưng quý vị không tin, chẳng có cách nào cả! Lúc tôi hai mươi mấy tuổi cũng chẳng tin tưởng, gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ dẫn dắt tôi vào Phật môn, nhập Phật môn để làm gì? Học triết học. Thuở ấy, đối với chuyện cảm ứng như trong Phật giáo đã nói, tôi không tin. Lúc đó, tôi học Phật, cho rằng trong Phật giáo có một phần là triết học cao cấp, phần khác là mê tín, chúng ta phải gạt bỏ phần mê tín ấy, phải nghiêm túc học kỹ lưỡng phần triết học. Tôi chia nó thành hai phần. Sau khi đã học mười mấy năm, cảm thấy [cách nghĩ trước kia của chính mình] chẳng đúng. Đối với phần trước kia chúng tôi cảm thấy là mê tín, phát hiện trong đó có đạo lý, đạo lý có thể còn cao sâu hơn triết học; do vậy, sau đó, chẳng có tâm phân biệt nữa. Không có tâm phân biệt thì là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới có thể học những thứ ấy. Sự hiểu lầm này phổ biến nơi những kẻ trẻ tuổi. Kẻ trẻ tuổi noi theo khoa học, bài xích tôn giáo, tôi là kẻ đã trải qua [tình cảnh ấy], hiểu rất rõ. Phật pháp nói chuyện vãng sanh, lúc tôi hai mươi sáu tuổi, tôi [bắt đầu] học Phật, đại khái khi ngoài bốn mươi tuổi mới thật sự nhận biết, tin tưởng, quý vị mới biết chẳng dễ dàng, đúng như cổ nhân đã nói là “*pháp khó tin*”. Nếu không dùi mài chẳng bỏ nơi kinh giáo, học tập hằng ngày, chẳng dễ gì đột phá cửa ải này!

Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp tý (sáu mươi năm), giảng kinh, giáo học năm mươi hai năm. Bản thân tôi cũng chẳng có thọ mạng dài như vậy. Thầy có dạy tôi, nhưng tôi cũng chẳng cầu kéo dài tuổi thọ, thế mà thọ mạng thật sự kéo dài, thọ hơn ông Viên Liễu Phàm. Ông Viên Liễu Phàm mới tăng thọ hai mươi mốt năm, tôi tăng thọ hơn bốn mươi năm. Thọ mạng của tôi [theo thầy tướng số nói] là bốn mươi lăm tuổi, rất khó có! Tăng tuổi thọ rất có ích cho tôi, tôi có thời gian dài như vậy, dần dần hiểu rõ ràng, minh bạch những thứ trong Phật pháp. Nếu không có thời gian dài như vậy, sẽ chẳng thể nào [hiểu được]. Do đó, thọ mạng dài cũng có lợi. Thật sự hiểu rõ, minh bạch thì vãng sanh thế giới Cực Lạc mới nắm chắc. Niệm Phật mà chẳng nắm chắc vãng sanh là do chẳng hiểu rõ, chẳng minh bạch. Muốn hiểu rõ ràng minh bạch chuyện này, kinh giáo vô cùng quan trọng! Đối với kinh giáo, lại càng phải coi trọng “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, vì sao? Nhất định là Tam Học Giới, Định, Huệ mới có thể thành tựu. Giữ quy củ là trì giới, thâm nhập một môn là giữ quy củ, huân tu lâu dài sẽ đắc tam-muội, khai trí huệ. Do vậy, thời gian [tu tập một môn] ngắn ngủi sẽ rất khó, [muôn thành tựu] phải mất một thời gian dài, lại còn phải chuyên tâm.

Bí quyết trong Phật pháp là buông xuống, đầu tiên là buông xuống tự ngã. Người thế gian hoàn toàn hiểu lầm Ngã, thân này chẳng phải là ta, mà cứ coi nó là ta, cả một đời này vì ai? Vì ta! Vì ta mà tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, đời đời kiếp kiếp trôi giạt luân hồi, thật đáng thương! Sau khi học Phật, bèn biết có Chân Ngã, [thân này] là Giả Ngã. Phải vứt bỏ Giả Ngã, tìm được Chân Ngã thì sẽ thành Phật. Chân Ngã là thân như thế nào? Pháp Thân! Buông bỏ Giả Ngã thì mới có thể chứng đắc Chân Ngã, tìm lại Chân Ngã. Chân Ngã bất sanh, bất diệt, Chân Ngã tương ứng với tự tánh, trọn đủ viên mãn trí huệ và đức tướng như đức Phật đã dạy trong kinh Hoa Nghiêm và trong các kinh Đại Thừa. “*Định Huệ đẳng trì*” cũng là “*như thị đẳng hòa hợp, Định Huệ hòa hợp*” đang nói ở đây. “*Danh vi ngũ bách Đà-la-ni môn*” (gọi là năm trăm môn đà-la-ni), “*năm trăm*” cũng là biểu thị pháp, chẳng phải là một con số cố định, [hàm nghĩa] vô lượng môn Đà-la-ni. Đó là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát, chữ Tạng (藏) hàm nghĩa “chẳng mất”. Thiện pháp chẳng bị mất đi, công đức chẳng bị mất đi. Đà-la-ni là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát.

Câu kế tiếp là lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: “*Cái tam-muội Định dã. Định lực phát huệ sở đắc, thuyết vi Đà-la-ni*” (Bởi lẽ, tam-muội là Định. Cái đạt được do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni). Ý nói: Đạt được Tổng Trì do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni. Bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa, “*nghĩa*” là đạo lý, nghĩa lý, hết thảy pháp đạo lý quý vị đều hiểu rõ ràng toàn bộ. “*Như Trí Độ Luận viết: Thị tam-muội tu hành, tập cửu hậu, năng thành Đà-la-ni*” (Như Trí Độ Luận đã nói: “Tu hành tam-muội ấy, sau khi tu tập đã lâu, bèn có thể thành Đà-la-ni”). Tam-muội là Định, là Đẳng Trì, tức là bình đẳng gìn giữ một thời gian dài thì sẽ có thể đắc

Định. Hôm nay tôi còn được một đồng tu cho biết: Ở Tứ Xuyên, có một vị cư sĩ học Phật, năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi, công phu tu hành rất khá, cũng là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Hôm nay, tôi nói với vị đồng học ấy: “Có thể mời người ấy đến Hương Cảng cho chúng tôi gặp gỡ hay không”. Trước kia, chúng tôi đã phát hiện cư sĩ Lưu Tố Vân, năm mươi lăm tuổi [bà ta mới bắt đầu] học Phật, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu, suốt mười năm chẳng gián đoạn bèn thành tựu, thành tựu tam-muội, thành tựu Đà-la-ni. Vị đồng học này cũng giống như vậy, họ kể với chúng tôi: Người ấy cũng là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, cũng là mười mấy năm chẳng gián đoạn. Có người thứ hai nêu gương thật tốt cho người tu hành chúng ta. Chúng tôi giảng kinh mỗi ngày, khuyên kẻ khác mỗi ngày, nhưng chẳng có người nêu gương, rất khó tin tưởng! Chỉ cần đã đắc tam-muội, chuyện gì chúng ta cũng đều có thể lý giải. Nếu đúng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ, tu học như vậy, phải biết là ba hay bốn năm bèn đắc tam-muội. Người ấy có thể đạt được Tam Ma Địa như chúng tôi đã nói trong phần trước đã nói. Sau khi đắc tam-muội, lại chừng ba, bốn năm, khẳng định là khai trí huệ, ở đây gọi “khai trí huệ” là Đà-la-ni. Chúng ta nói thông thường thì Đà-la-ni nên giảng như thế nào? Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Đà-la-ni là hết thấy các kinh đều thông. Một pháp môn đã đắc, hết thấy các pháp môn thấy đều đắc, đó là Đà-la-ni. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ con người chẳng có tâm thường hằng, vọng niệm quá nhiều, hôm nay muốn học cái này, ngày mai muốn học cái khác, học rất nhiều, rất tạp. Đó là gì? Đó là tập khí phiền não. Kinh giảng những gì, Phật, Bồ Tát mỗi ngày khuyên quý vị, quý vị vẫn không tin, vẫn cứ tin vào tập khí phiền não của chính mình, sai mất rồi! Nếu thật sự chịu nghe lời Phật, ai nấy đều thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào, nói theo Tịnh Độ Tông thì “không một ai chẳng thành tựu”. Thời gian mười năm chẳng dài, trôi qua rất nhanh, quý vị có thể nắm giữ [một pháp môn, một bộ kinh] trong mười năm, quý vị sẽ thành tựu. Chúng ta thấy hai người ấy đều là dùng thời gian [lâu dài] để nắm chắc, chẳng lãng phí một ngày nào!

Vì thế, đối với chuyện tu hành, có người hỏi tôi, người ấy nói tôi thường nói đến ba căn bản, nhưng họ (cư sĩ Lưu Tố Vân và một vị lão cư sĩ ở Tứ Xuyên) chẳng học ba căn bản ấy, có sao thành tựu? Họ thật sự có thể buông hết thấy xuống, nhất tâm nhất ý nơi một bộ kinh, một câu danh hiệu, ba căn bản liền viên mãn. Họ có thể làm được, quý vị có thể làm được hay không? Quý vị chẳng bằng họ. Xét theo hình thức, ba căn bản ấy là giới luật, họ chẳng học, nhưng người ta có Định Cộng Giới. Tam-muội là Định Cộng Giới, [tức là] trong Định có Giới. Không có Giới, làm sao có thể có Định cho được? Trong đà-la-ni có trí huệ, trí huệ đã khai thì gọi là gì? Gọi là Đạo Cộng Giới. Người bình phàm sơ sót những điều này, chỉ điểm họ, họ liền hiểu rõ. Họ có, mà còn rất cao minh, chúng ta nên học theo điểm này. Chúng ta thấy những tấm gương tốt đẹp ấy, tín tâm của chính mình phải nên kiên định. Quý vị thấy Lưu cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học, sáu mươi sáu tuổi

bền thành công. Vị lão cư sĩ ở Tứ Xuyên, tôi còn chưa gặp mặt, tôi rất muốn gặp cụ, năm nay cụ đã ngoài bảy mươi tuổi, cũng là lúc tuổi già mới gặp gỡ, cụ đã thành công. Chúng ta là những kẻ còn chưa đến sáu mươi tuổi, hãy nên có tín tâm. Sáu mươi tuổi bắt đầu học tập, bảy mươi tuổi bền thành công. Trước lúc bảy mươi tuổi, chẳng ai biết đến Ân Quang đại sư, Ngài lặng lẽ, không ai biết đến, trụ trong lầu Tàng Kinh núi Phổ Đà, cũng là Tam Học Giới, Định, Huệ tăng thượng. Năm bảy mươi tuổi, Ngài bị người khác phát hiện, có những vị tại gia cư sĩ toàn là giáo sư đại học, đến thăm Phổ Đà Sơn, đến lễ Phật, gặp pháp sư Ân Quang, hầu chuyện Ngài, những vị học giả ấy vô cùng kinh ngạc, gặp được vị thiện tri thức chân chánh, bền viết bài tuyên dương Ngài trên các báo chí và tạp chí, Ân Quang đại sư bền nổi tiếng. Lão nhân gia hoàng pháp lợi sanh bằng văn tự, vì Ngài là người Thiểm Tây, nói giọng địa phương rất nặng, giảng kinh ở phía Nam mọi người nghe không hiểu, nên Ngài rất ít dùng ngôn ngữ để giảng kinh mà dùng văn tự. Bao nhiêu người nêu ra câu hỏi thỉnh giáo lão nhân gia, sau này, những thư trả lời của Ngài được tập hợp lại, trở thành bộ Ân Quang Đại Sư Văn Sao, thuở ấy những lời Ngài phát biểu đăng trên báo chí và tạp chí, mọi người đều hiểu. Ngài viên tịch lúc tám mươi tuổi. Quý vị thấy thời gian Ngài hoàng pháp chỉ có mười năm, nhưng ảnh hưởng của mười năm hoàng pháp ấy, trong một trăm năm tại Trung Quốc, chẳng có ai có thể vượt qua Ngài, thù thắng khôn sánh! Cổ nhân Trung Quốc gọi điều này là “*hậu tích, bạc phát*” (tích lũy sâu dày, phát lộ trong thời gian ngắn), Ngài đã tích lũy quá dày. Trước khi học Phật, Ngài học Nho, lấy Nho làm cơ sở, dùng cơ sở Nho gia sâu dày để nhập Phật môn, có công lực vài chục năm, nên khi phát, bền đúng như cổ nhân đã nói: “*Không kêu thì thôi, hễ kêu sẽ khiến cho mọi người kinh hãi*”. Những vị ấy đã thị hiện nhằm nêu gương cho chúng ta, đều nhằm dạy chúng ta, phải dùng phương pháp gì và tâm thái gì để tu học thì quý vị mới có thể thành tựu.

Còn khó có hơn nữa, suốt đời tổ Ân Quang coi trọng giáo dục nhân quả. Ngài đề cao ba bộ sách, yêu cầu thế hệ chúng ta và những kẻ học Phật trong mai sau, bất luận tại gia hay xuất gia đều phải đọc, phải nghiêm túc học tập để làm căn cơ. Ba thứ ấy chính là Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư, và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đặc biệt coi trọng giáo dục nhân quả. Nay chúng tôi mới hiểu: Hiện thời, muốn cứu vớt xã hội này, muốn hóa giải tai nạn, muốn cứu vớt địa cầu, dùng gì? Dùng nhân quả. Mỗi người tin tưởng nhân quả, thiên hạ đại trị, các tai nạn trên địa cầu chẳng dấy lên, chẳng có tai nạn. Luân lý, đạo đức có lúc chẳng chống nổi danh cao, lợi nhiều, cảnh giới ấy hiện tiền, người ta biết rõ mà vẫn cố phạm. Nhưng thật sự hiểu nhân quả thì danh cao tới đâu, lợi to đến mấy, quý vị chẳng dám động tâm, vì sao? Hiện thời đạt được chỗ tốt đẹp và lợi ích, nhưng sau khi đã chết thì sao? Tâm hạnh bất thiện, chết đi, chắc chắn đọa địa ngục. Bất hiếu với cha mẹ, bất trung với quốc gia, không tôn trọng trưởng bối, không yêu thương thế hệ sau, những nghiệp ấy đều là nghiệp trong A Tỳ địa ngục. Đọa địa ngục rất dễ dàng, thoát khỏi địa ngục chẳng đơn giản như vậy, có dám làm hay không? Chẳng dám! Vì thế, ông Châu

An Sĩ nói: “*Mỗi người tin tưởng nhân quả, đó là đạo để thiên hạ được bình trị to lớn*”. Chúng ta biết, không chỉ là thiên hạ đại trị, mà còn là trên địa cầu, tai nạn gì cũng chẳng có! “*Mỗi người không tin nhân quả là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn*”, tai nạn gì trên địa cầu cũng đều phát sanh, đạo lý là như thế đó! Mỗi người chúng ta sống trên thế gian này, trên thực tế, hết sức đơn giản, mỗi ngày chỉ cần ăn no, mặc ấm, có nơi nho nhỏ để có thể tránh gió đụt mưa là đủ rồi, sung sướng hơn bất cứ gì khác. Cổ nhân dạy: “*Người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao*”. Dục vọng càng nhiều càng khổ, con người buông dục vọng xuống sẽ đắc đại tự tại. Buông tham, sân, si xuống, Giới, Định, Huệ liền thành tựu. Vì thế, “*tu hành tam-muội, tu tập lâu ngày có thể thành Đà-la-ni*”, lời ấy là thật, chúng ta có thể tin tưởng. Chữ Tập (習) này có nghĩa là quý vị thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, học xong bèn thật sự có tác dụng, không phải là học rồi chẳng có tác dụng, mà là học đến mức hữu dụng.

“*Thị chư tam muội, cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ, năng sanh Đà-la-ni*” (Các tam-muội ấy cùng với Thật Tướng của các pháp và trí huệ, có thể sanh ra Đà-la-ni); đây là nói do đâu mà có Tổng Trì? Do tam-muội mà có. Các tam-muội, tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy đều là tu tam-muội, tam-muội là mấu chốt tu hành trong Phật pháp. Giới, Định, Huệ, hễ đạt được một điều thì hết thấy đều đạt được. Nay chúng ta tu tam-muội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp niệm Phật, trì danh niệm Phật. Dùng phương pháp này để đắc tam-muội, nhưng trong Tịnh Độ Tông không gọi là tam-muội, mà gọi là “nhất tâm”. Nhất tâm là tam-muội, tam-muội là nhất tâm; danh từ khác nhau, ý nghĩa như nhau. Chúng ta dùng trì danh niệm Phật đắc nhất tâm, thật sự đạt đến nhất tâm, ứng dụng nhất tâm vào cuộc sống, tự tại! Vận dụng lâu ngày, càng dùng càng có trí huệ, toàn bộ trí huệ hiện tiền, trí huệ ấy chính là đà-la-ni. Trí Độ Luận giảng ý nghĩa này hay lắm, giảng thật hay, “*cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ*”, đó là gì? Trong tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã. Vì thế, có thể sanh ra Đà-la-ni, Đà-la-ni là trong hết thấy các pháp, quý vị đều có thể dễ dàng nắm vững tổng cương lĩnh và tổng nguyên tắc.

“*Hựu tam-muội đản thị tâm tương ứng pháp dã. Đà-la-ni diệc thị tâm tương ứng, diệc thị tâm bất tương ứng*” (Lại nữa, tam-muội chỉ là pháp tương ứng với tâm. Đà-la-ni vừa tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm). Đà-la-ni và tam-muội có một chỗ khác nhau. Đà-la-ni vừa là tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm, chẳng giống như tam-muội, tam-muội chỉ là tương ứng, chẳng có ý nghĩa không tương ứng. Tiếp đó, có giải thích: “*Đà-la-ni thị tâm bất tương ứng giả, như nhân đắc Văn Trì đà-la-ni, tuy tâm sân khúe diệc bất thất, thường tùy nhân hành, như ảnh tùy hình. Cái Trí Độ Luận chi nghĩa tam-muội giả, chỉ tại tâm tương ứng thời hiện tiền. Như bình phơi vị thiêu, tuy hữu bình tướng, bất năng thịnh thủy. Đà-la-ni như kinh hỏa thiêu thành hậu chi bình*”

khí, có năng trì Bồ Tát vô lượng công đức. Tuy tâm bất tương ứng thời (lệ như tâm sanh phiền não), diệc thường tùy nhân hành, như ảnh tùy thân” (“Đà-la-ni lại chẳng tương ứng với tâm là nếu như có người đắc Văn Trì Đà-la-ni, tuy tâm nóng giận, Đà-la-ni cũng chẳng tan mất, thường theo hành nhân như bóng theo hình”. Như vậy thì theo ý nghĩa trong Trí Độ Luận, tam-muội phải do tâm tương ứng thì mới hiện hữu; như bình gốm chưa nung, tuy có hình dạng bình, nhưng chẳng thể đựng nước. Đà-la-ni như bình, chén đã qua lửa nung, nên có thể gìn giữ vô lượng công đức của Bồ Tát. Tuy có lúc tâm chẳng tương ứng (chẳng hạn như khi tâm sanh phiền não), đà-la-ni vẫn thường theo hành nhân như bóng theo thân). Tỷ dụ này rất hay, nói rõ tương ứng là gì, không tương ứng là gì? “*Tương ứng với tâm*”, chúng ta phải nhớ, tổ tiên có nói một câu rất hay: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), tâm là tánh, tâm tánh vốn lành, đó là tương ứng; bất thiện thì sao? Bất thiện bèn không tương ứng. Nói cách khác, “*tương ứng*” là tương ứng với thiện pháp, “*không tương ứng*” là chẳng tương ứng với thiện pháp, nó tương ứng với ác pháp, tức là chẳng tương ứng với thiện pháp. Vì thế, ở đây nêu lên một thí dụ. Quý vị nói tam-muội, tâm là định, nhưng khi người ta nổi giận, liền chẳng có Định. Đây là như kinh thường nói: “*Hỏa thiêu công đức lâm*” (lửa thiêu rụi công đức), nổi nóng là lửa thiêu. Hễ nổi giận liền chẳng có Định, Định liền mất đi, nhưng Đà-la-ni chẳng mất, Đà-la-ni là trí huệ. Tuy nổi nóng, trí huệ chẳng mất, đó là trí huệ. Tâm tương ứng với thiện pháp, nó khởi tác dụng; tâm tương ứng với bất thiện pháp, nó vẫn khởi tác dụng, chẳng do phiền não mà bị mất đi! Nó chẳng như vậy. Đó là chỗ khác nhau giữa Đà-la-ni và tam-muội. Tam-muội là Định, Đà-la-ni là Huệ. Nêu lên tỷ dụ này cũng rất dễ hiểu, chẳng khó hiểu.

“*Hựu Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni thế thế thường tùy Bồ Tát, chư tam muội bất nhĩ, hoặc thời dịch thân tác thất*” (Trí Độ Luận lại nói: “Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, còn các tam-muội chẳng được như vậy, hễ khi nào đời thân liền bị mất đi”). Quả thật, đà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, tức là trí huệ có thể mang theo được, nhưng công phu định lực thì không được. Công phu định lực có thể bị mất đi, [chẳng hạn như] sanh phiền não, Định bị mất đi, hoặc là khi đời thân liền bị mất. Đời thân bèn sanh phiền não, tham, sân, si dấy lên, tam-muội bèn mất đi. Thế nhưng, tuy Đà-la-ni không mất, khi nó tương ứng thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện tốt, khi tham, sân, si, mạn hiện tiền thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện xấu, quý vị có rất nhiều ý nghĩ xấu, chúng ta chớ nên không biết điều này. “*Cố tri Đà-la-ni nhất đắc vĩnh đắc, thắng u tam-muội dã*” (Vì vậy, đà-la-ni một phen đã đạt được là vĩnh viễn đạt được, hơn hẳn tam-muội.). Thật vậy, tam-muội rất dễ mất đi, còn Đà-la-ni chẳng mất dễ dàng, không dễ dàng bỏ lỡ, các vị Bồ Tát đều chứng đắc.

(Kinh) Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội. Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội.

(經) 隨時悟入華嚴三昧。具足總持百千三昧。

(*Chánh kinh: Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, trọn đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội*).

Những câu này đều nhằm tán thán đại đức của các vị Bồ Tát dự hội. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Hoa Nghiêm tam-muội là gì. “*Hoa Nghiêm tam-muội, nãi Phật Hoa Nghiêm tam-muội chi dị xưng*” (Hoa Nghiêm tam-muội là tên gọi khác của Phật Hoa Nghiêm tam-muội), cũng là gọi giản lược, lược bớt chữ Phật, nên gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Tam-muội nghĩa là gì? Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, “*dĩ Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi vi lý thú*” (dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú). Nói theo cách hiện thời, nó chẳng dùng mười pháp giới, mà dùng Nhất Chân pháp giới, nói là cạn hay sâu là do chỗ này. Học thuật hiện thời, trong giới học thuật, bất luận là Trung Quốc hay ngoại quốc, đều nương theo mười pháp giới. Quý vị nhìn từ chỗ này, Phật pháp tự nhiên cao hơn người khác một bậc, vì sao? Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: “*Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới*”. Giải thích câu ấy như thế nào? Phật pháp dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú. Học thuyết thế gian chưa hề dùng điều này, toàn là dùng mười pháp giới, dùng mười pháp giới vẫn được coi là rất cao. Hiện thời, Vật Lý Không Gian và Lượng Tử Lực Học đã nói đến A Lại Da, A Lại Da ở trong mười pháp giới, chẳng nói đến Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. [Khoa học] chưa nói đến tầng này, nhưng nói đến mười pháp giới thì cũng đúng là rất giỏi, chẳng phải là chuyện đơn giản. Một mới là chân, hai là vọng, một là chân. Một là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chúng ta đều có thể buông xuống, Nhất Chân pháp giới liền hiện tiền, ở ngay trước mắt, không cần tìm kiếm khắp nơi. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, không gì chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta khởi tâm động niệm thì Nhất Chân liền mất đi, lại có phân biệt, chấp trước, đối với Nhất Chân càng mê sâu hơn, sâu đến nỗi chẳng thể quay về, coi lục đạo luân hồi là thật! Trong kinh điển đã dạy: “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chúng ta đều biết đọc [lời ấy], mà cũng nói rành rẽ hợp lý, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của chính mình, vẫn mê luyến lục đạo luân hồi y như cũ, làm sao quý vị có thể hiểu được? Đó đều là chân tướng sự thật. Hễ mê, liền biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới. Đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mục tiêu chung cực là giúp chúng ta trở về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là quê nhà của chúng ta, chúng ta từ Nhất Chân đi ra, Phật giúp chúng ta trở về. Nhất Chân pháp giới mới thật sự đặc đại tự tại, trong ấy có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã dạy: “*Hết*

thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”, đó là chuyện thuộc về Nhất Chân pháp giới.

“*Vô tận duyên khởi*”: Nói đến duyên khởi thì “*duyên*” (緣) là nhân duyên, tức là nói đến nhân quả, “*khởi*” (起) là sanh khởi. Sanh khởi gì vậy? Sanh khởi vô lượng vô biên các pháp, dùng từ ngữ này (duyên khởi) làm một đại danh từ chung. Nay chúng ta thấy trong toàn thể vũ trụ, vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tinh hệ, tinh cầu ở trong không gian, nay chúng ta nói là Vật Lý Không Gian, tức là thế giới vĩ mô. Quay đầu nhìn lại, nhìn cái nhỏ nhất là vi trần. Trong kinh Phật nói đến vi trần, còn trong khoa học nói đến tế bào. Tế bào có thể chia nhỏ hơn, nó do những gì hợp thành? Các phân tử. Phân tử là do các nguyên tử hợp thành. Nguyên tử do các điện tử hợp thành. Điện tử do các tiểu lập tử (hạt cơ bản) hợp thành. Các hạt do các khoa-khắc (quark) hợp thành. Hiện thời, [khoa học] nói khoa-khắc do các tiểu quang tử hợp thành, tìm đến vật chất nhỏ nhất. Tiểu quang tử còn có thể chia nhỏ nữa hay không? Hiện thời còn chưa biết. Tiểu quang tử được gọi là lượng tử, thế giới vi mô đấy! Khoa học hiện thời phát triển theo hai phương hướng, hai cực đoan ấy. Hai cực đoan ấy có thể thống nhất hay không? Thống nhất trong Phật pháp là “*lớn, nhỏ chẳng hai, tánh và tướng như nhau*”, liền phát hiện sự kỳ diệu. Trong một vi trần có thế giới vĩ mô, có vũ trụ, trong một tiểu quang tử có vũ trụ, vũ trụ viên mãn. Trong vũ trụ ấy lại có tiểu quang tử, trong tiểu quang tử đó lại có vũ trụ, trùng trùng vô tận. Kinh Phật nói như vậy, các nhà khoa học vẫn chưa phát hiện sự trùng trùng vô tận. Đó là vô tận duyên khởi, là chân lý.

“*Lý thú*” (理趣), Thú là hướng đến, quay về, [Lý Thú] là chỗ quy kết của chân lý, trong Phật pháp gọi điều này là “*tự tánh*”. Tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần, bất cứ thứ gì cũng đều chẳng phải, chẳng có diện mạo bên ngoài, lục căn của chúng ta chẳng tiếp xúc được, mắt quý vị chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe được, tâm cũng chẳng nghĩ được! Nó là thật, là bản thể của vạn vật trong vũ trụ, vạn hữu trong vũ trụ nương vào nó mà sanh, nên mới xuất hiện. Bất cứ gì cũng chẳng phải là nó, nhưng hết thấy các pháp đều chẳng thể rời khỏi nó. Chúng tôi giảng đến đây, thông thường có rất nhiều đồng tu đang cùng học tập với chúng ta qua màn hình TV hoặc computer, tôi bèn dùng màn hình để tỷ dụ tự tánh. Pháp giới vô tận duyên khởi có thể ví như những hình ảnh trên màn hình. Quý vị thu được rất nhiều băng tần, bình thường có thể thu tới hơn một trăm băng tần. Hơn một trăm băng tần ấy giống như vô tận duyên khởi đang nói ở đây. Quý vị bắt trúng băng tần, hình ảnh bèn hiện ra. Quý vị chẳng bắt trúng thì chẳng có hình ảnh. Như vậy là trong màn hình thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện; dùng màn hình tượng trưng cho Pháp Tánh, sánh ví những hình ảnh trong mỗi băng tần như pháp tướng. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, pháp tướng là cái được sanh, được hiện, năng - sở là một, chẳng hai. Còn đối với sự biến hóa thì biến hóa là thức, tánh chẳng có biến hóa. Do vậy, đức Phật nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Ý báo và chánh

báo trang nghiêm trong mười pháp giới, các thứ biến hóa là thức. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, sẽ chẳng khởi biến hóa. Chúng ta biết: Nếu chúng ta phân biệt, chấp trước rất ít, biến hóa cũng rất nhỏ. Nếu phân biệt, chấp trước rất lớn, nó sẽ biến hóa to lớn, đạo lý là như vậy đó. Người ấy nhập Định, nhập Định là gì? Nhập Định là buông phân biệt, chấp trước xuống; người ấy chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị sẽ có thể thấy bản lai diện mục của rất nhiều hiện tượng, chúng tôi thường nói là “chân tướng sự thật”. Dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước, quý vị chỉ thấy pháp tướng dấy lên sự biến hóa, giống như sóng thiên biến vạn hóa, hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng. Sau khi đã hiểu đạo lý này, con người phải nên định tâm, tâm phải thiện lương, đó là chân tâm. Trở về tự tánh, trong tự tánh một niệm chẳng sanh, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là trở về. Khởi tâm động niệm là đi ra bên ngoài, càng đi càng xa, chớ nên không biết đạo lý này.

“*Đạt thử lý thú*” (thông đạt lý thú ấy), “*đạt*” là thông đạt. Đối với đạo lý này, phải thật sự hiểu rõ, phải minh bạch. “*Niếp giải nhi khởi vạn hạnh*” (liền từ liễu giải khởi ra vạn hạnh). Thông đạt, hiểu rõ, Giải (解) là liễu giải. Sau khi thông đạt, hiểu rõ, sẽ biến thành hành vi của chính mình, biến những Lý ấy thành tư tưởng của chính mình, biến những Thú ấy thành những hành vi trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Đó là gì? Đó là sở hành của chư Phật Như Lai. Chúc mừng quý vị, quý vị sống cuộc đời gì? Sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, trong nhân gian chẳng có, mà trên cõi trời cũng chẳng tìm được, cuộc sống ấy là [cuộc sống trong] thế giới Cực Lạc. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc, ai nấy đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. “*Trang nghiêm Phật quả vị chi Hoa Nghiêm*” (trang nghiêm Phật quả gọi là Hoa Nghiêm), quý vị thấy đó, dùng gì để trang nghiêm? Dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi để trang nghiêm Phật quả, đó là thế giới Cực Lạc, còn thù thắng hơn thế giới Hoa Tạng. “*Nhất tâm tu chi vị chi tam-muội*” (do nhất tâm tu tập nên gọi là tam muội). Nếu chúng ta chẳng biết thì là mê, là phạm phu; sau khi đã biết, bèn buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên tu, đó là Hoa Nghiêm tam-muội. Người nào tu? Pháp Thân Bồ Tát tu, chẳng phải là kẻ bình phạm, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: Sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài tu Hoa Nghiêm tam-muội. Chưa kiến tánh thì sẽ không được. Chưa kiến tánh, làm sao quý vị có thể dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi? Quý vị chẳng dùng được.

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Như Hoa Nghiêm thuyết*” (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Như Hoa Nghiêm nói”), như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, “*bỉ nhất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung*” (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thấy Phật pháp trong pháp giới, đều bao gồm trong đó). Tam-muội ấy là Hoa Nghiêm tam-muội, quý vị thấy Hoa Nghiêm tam-muội là gì? Trong Hoa Nghiêm tam-muội, thống nhiếp hết thấy Phật pháp trong pháp giới. Vào thời Tùy - Đường, các vị đại đức trong Phật môn thuở ấy cũng

đã nghiên cứu vấn đề này: Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thầy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm, giảng hết thầy kinh, bộ kinh nào có thể làm đại biểu, thống nhiếp hết thầy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm? Rất nhiều vị đại đức đồng ý, công nhận kinh Hoa Nghiêm; do vậy, kinh Hoa Nghiêm được gọi là “*căn bản pháp luân*”. Giống như một đại thụ, Hoa Nghiêm là cội rễ, hết thầy các kinh khác là cành, lá, hoa, quả trên cái cây ấy, giống như vậy đó. Hoa Nghiêm được coi là căn bản. Tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng có cách nhìn ấy, cụ coi kinh Hoa Nghiêm là khái luận của hết thầy kinh giáo do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời. Thuở ấy, tôi theo cụ học triết học từ kinh Phật, cụ giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, bảo đấy là khái luận triết học trong kinh Phật. Bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa trong Phật môn đều được bao gồm trong bộ sách ấy, chẳng sót một pháp nào. Hoa Nghiêm là Đại Tổng Trì Môn, thật sự thống nhiếp hết thầy Phật pháp trong pháp giới. Chỗ quy túc cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta gọi là Lý Thú, tức là chỗ mà đạo lý đến cuối cùng sẽ quy hướng, chỗ quy hướng cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao nói vậy? Thành tựu cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đoạn khai thị này vô cùng quan trọng! Hoa Nghiêm cuối cùng quy về đâu? Quy về thế giới Cực Lạc. Do vậy, một phẩm này, vẫn là phần Chứng Tín Tự. Quý vị thấy tựa đề của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Nói thật ra, thế giới Cực Lạc là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, vô tận hạnh môn của Phổ Hiền Bồ Tát đều được thực hiện trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị muốn thấy vô lượng, vô biên, vô tận công đức thù thắng của Phổ Hiền Bồ Tát, hãy đến thế giới Cực Lạc để xem. Chỗ ấy là mô hình kiểu mẫu của Phổ Hiền hạnh, quý vị tới đó, liền có thể trông thấy. Như vậy là [kinh Hoa Nghiêm] quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong niên hiệu Càn Long đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Bành Nhị Lâm đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”, nói rất hay! Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh, nội dung giảng giải như nhau, trong một đẳng nói giản lược, một đẳng nói tỉ mỉ. Nói cặn kẽ, kinh Vô Lượng Thọ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nói đại lược thì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh Vô Lượng Thọ; do vậy [hai kinh] là một, không hai. Còn có một tiểu bản, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Đại Bản, Đại Bản A Di Đà Kinh hay Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh đều được!

Từ cách nói này của các vị cổ đức, chúng ta lại nghiên cứu, nghiên cứu gì? “*Bỉ nhất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung*” (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thầy Phật pháp trong pháp giới đều bao gồm trong ấy). Tìm ra môn tam-muội này. Chúng ta lại tìm trong kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chia thành bốn mươi tám phẩm, phẩm nào có thể đại diện toàn bộ bản kinh, tức [phẩm nào] là trung tâm của cả bộ kinh? Chúng ta biết, cổ đại đức nói: Phẩm thứ

sáu tức phần nói về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ, mà phẩm kinh ấy do chính A Di Đà Phật tự nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại. Bốn mươi tám nguyện gồm bốn mươi tám điều, điều nào là trung tâm? Cổ đại đức nói “nguyện thứ mười tám”. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt vãng sanh*”, quy về chỗ nào? Quy về một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Chúng ta đã tìm ra: Bốn mươi tám nguyện là triển khai của nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười tám triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện lại triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ lại triển khai thành kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Vì thế, chúng ta hiểu “*bi nhất tam-muội*” (môn tam-muội ấy) là gì? Là một câu danh hiệu, một câu Nam-mô A Di Đà Phật sáu chữ! Sáu chữ ấy thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới, chẳng phải là ý nghĩa này hay sao? Chúng tôi truyền một câu Phật hiệu tức là đã truyền hết thảy Phật pháp trong pháp giới cho quý vị.

Rất nhiều người biết niệm A Di Đà Phật, nhưng A Di Đà Phật nghĩa là gì, chẳng ai biết! Ở đây, chúng ta mới hiểu, một câu A Di Đà Phật là cốt lõi của Phật pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói. Bất luận giảng pháp môn nào, đều chẳng có cách vượt thoát, nó là đỉnh cao nhất trong hết thảy Phật pháp, nó là chỗ rốt ráo trong hết thảy Phật pháp. Do vậy, thứ gì cũng đều chẳng hiểu, thứ gì cũng chưa từng học, nhưng niệm một câu A Di Đà Phật này, niệm mấy năm, người ấy biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Đó là gì? Người ấy thật sự buông xuống vạn duyên, nắm được tổng cương lĩnh của hết thảy các Phật pháp, đã tìm được. Tổng cương lĩnh là một câu A Di Đà Phật, tuyệt diệu thay! Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức từ bi đến cùng cực, đã đem bí mật này truyền cho quý vị, nhưng quý vị không biết. Quý vị thật sự đạt được một câu Nam-mô A Di Đà Phật này, quý vị bèn đạt được toàn bộ tất cả hết thảy Phật pháp. Ở đây nói là Niệm Phật tam-muội, thảy đều đạt được. Vì sao? Nó là tự tánh, tự tánh viên mãn. Do vậy, một câu danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh. “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” trong Tông Môn còn chưa phải là thấy A Di Đà Phật ư? A Di Đà Phật có nghĩa là gì, quý vị phải hiểu, quý vị sẽ không hoài nghi. Vô Lượng Giác, đó là tiếng Phạn dịch [chữ A Di Đà Phật] sang nghĩa tiếng Hán. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác là thống nhiếp Phật pháp trong hết thảy pháp giới.

“Bát Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát nhập quảng đại tam-muội, danh Phật Hoa Nghiêm’. Hựu Lục Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Phổ Hiền Bồ Tát Chánh Thọ tam-muội, kỳ tam-muội danh Phật Hoa Nghiêm’. Pháp Giới Ký vân: ‘Ngôn Hoa Nghiêm tam-muội giả, giải vân, Hoa giả, Bồ Tát vạn hạnh dã. Hà giả? Dĩ hoa hữu sanh thật (chỉ quả thật) chi dụng. Hành hữu cảm quả chi năng. Tuy phục nội ngoại lưỡng thù, sanh cảm lực dụng tương tự. Kim tức dĩ pháp thác sự, cố danh Hoa dã. Nghiêm giả, hạnh thành quả

mãn, khế hợp tương ứng, cấu chướng vĩnh tiêu, chứng lý viên mãn, tùy dụng tán đức, cố xưng vi Nghiêm dã. Tam-muội giả, lý trí vô nhị, giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong, năng sở tư tuyệt, cố vân tam-muội dã” (Kinh Bát Thập Hoa Nghiêm nói: “Lúc ấy, Phổ Hiền Bồ Tát nhập tam-muội rộng lớn tên là Phật Hoa Nghiêm”. Kinh Lục Thập Hoa Nghiêm lại chép: “Phổ Hiền Bồ Tát chánh thọ tam-muội, tam-muội ấy tên là Phật Hoa Nghiêm”. Sách Pháp Giới Ký viết: “Hoa Nghiêm tam-muội được giải thích như sau: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, vì sao? Do công dụng của hoa là có thể kết trái (chỉ quả, hạt), hạnh có khả năng cảm được quả. Tuy là pháp nội, ngoại khác nhau, nhưng lực dụng sanh và cảm tương tự. Dùng sự để tỏ bày pháp nên gọi là Hoa. Nghiêm là hạnh thành, quả mãn, khế hợp tương ứng, cấu chướng vĩnh viễn tiêu trừ, chứng lý viên mãn. Dựa trên Dụng để khen ngợi Đức, nên gọi là Nghiêm. Tam-muội là lý trí vô nhị, triệt để dung hội, đây, kia đều chẳng còn, năng, sở dứt bật, nên nói là tam-muội”). Đoạn này trước hết trích dẫn kinh Bát Thập và Lục Thập Hoa Nghiêm, nói lên các ý nghĩa như nhau, đều là nói tới Phổ Hiền Bồ Tát. Ngài đạt được môn tam-muội tên là Phật Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm tam-muội nghĩa là gì? Trong sách Pháp Giới Ký² có giải thích: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa này. Vì thế, chúng ta cúng hoa trước bàn Phật, phải hiểu hoa chẳng phải để cho Phật ngắm, mà nhằm biểu thị pháp, hoa tượng trưng cho hạnh môn. Ở đây giải thích, hoa có [tác dụng] “*sanh thật*” (kết quả), “*Thật*” (實) là quả hạt. Thực vật trước khai hoa, sau kết quả. Hoa nở đẹp đẽ, chúng ta biết quả nhất định trở tốt đẹp. Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát có thể cảm quả. Lục độ vạn hạnh là nhân, quý vị tu nhân, trong tương lai nhất định có quả báo. Lục độ vạn hạnh cảm quả là Phật Hoa Nghiêm. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng lực dụng của sanh và cảm tương tự. Hoa là nói theo bề ngoài, dùng thực vật làm tỷ dụ. Bồ Tát tu hành là bên trong, tu Lục Độ vạn hạnh sử dụng công phu bên trong. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng đạo lý tu nhân cảm quả tương thông, nên lực dụng của sanh và cảm là tương tự. Nay mượn sự để biểu thị pháp, nên gọi là Hoa; vì vậy, Hoa là tỷ dụ.

“*Nghiêm*”: Nghiêm là trang nghiêm. Nói theo quả, hạnh thành, quả mãn, [nghĩa là] tu hành thành tựu, quả báo liền hiện tiền. Bồ Tát thiện tâm thiện hạnh. Bồ Tát tâm là đại Bồ Đề tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là Bồ Tát tâm. Chúng ta thường nói Bồ Tát hạnh là Tam Học (Giới, Định, Huệ), Lục Độ, Lục Hòa Kính, mười nguyện Phổ Hiền, đều là cương lĩnh, triển khai ra bên gọi là vạn hạnh. Hạnh thành, quả mãn, phù hợp tương ứng, phù hợp với Tánh Đức, tương ứng với vô tận duyên khởi. “*Cấu chướng*”, Cấu (垢) là phiền não, Chướng (障) là nghiệp chướng, “*vĩnh tiêu*” (永消) là vĩnh viễn tiêu trừ, chẳng còn nữa! “*Chứng lý viên mãn*”, lý ấy là tâm tánh, minh tâm kiến tánh.

2 Sách này có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Du Tâm Pháp Giới Ký do ngài Pháp Tạng soạn vào đời Đường. Nội dung trình bày những giáo nghĩa trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm, chia các giáo nghĩa thành các môn Pháp Thị Ngã Phi, Duyên Sanh Vô Tánh, Sự Lý Hồn Dung, Ngôn Tận Lý Hiện, Thừa Giáo, Thi Giáo, Chung Giáo, Đôn Giáo, Viên Giáo, và giảng giải tương trạng sâu cận của các môn ấy.

“*Tùy dụng tán đức*”, Dụng là khởi dụng, khởi lên tác dụng gì? Hóa độ hết thấy chúng sanh, triển hiện vô tận đức hạnh của Bồ Tát. Sách Hoàn Nguyên Quán nói đến bốn loại lớn: “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi có pháp tắc, nhu hòa chất trực, chịu khổ thay cho chúng sanh*”, triển hiện những điều ấy, nên gọi là Nghiêm. Lại giải thích tam-muội là “*Lý Trí bất nhị*”. Lý là Thể, Trí là Dụng. Lý là tự tánh, Trí là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. “*Giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong*” (triệt để dung hội, đây kia đều mất), khi Bồ Tát khởi dụng, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đây - kia đều mất, năng - sở đều dứt thì gọi là tam-muội, đó chẳng phải là tam-muội bình phàm. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.